

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 29-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quốc Tuấn và ông Nguyễn Tiến Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hiếu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 đường Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 22/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HS ngày 11/3/2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn T;** sinh ngày 27 tháng 5 năm 1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ B, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 31/3/2020, Nguyễn Văn T bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản số 1378/QĐ-XPNC số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát lòng sông) làm vật liệu xây dựng thông thường, không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác, với khối lượng khoáng sản đã khai thác là 02m³)

Về nhân thân: Ngày 07/3/2018, Nguyễn Văn T bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản số 12598/QĐ-XPVPHC số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát lòng sông) làm vật liệu xây dựng thông thường, không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác, với khối lượng khoáng sản đã khai thác là 07m³.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Nguyễn Văn T3- Luật sư của Văn phòng Luật sư T4, Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 01 đường A, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. **Phạm Văn H**; sinh ngày 15 tháng 3 năm 2000, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn C, xã H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm C, sinh năm: 1966 và bà Mai Thị S, sinh năm: 1971; có vợ: Trần Thị Khánh V, sinh ngày: 26/4/2001 và 01 người con là Phạm Bảo Nhật H1, sinh ngày 16/12/2019; tiền án: không có; tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 07/01/2020, Phạm Văn H bị Công an thị xã T ra Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản số 1797/QĐ-XPHC số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát lòng sông) làm vật liệu xây dựng thông thường, không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác, với khối lượng khoáng sản đã khai thác là 04m³).

Về nhân thân: Từ nhỏ sống cùng cha mẹ tại Thôn C, xã H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học đến lớp 8/12 thì nghỉ học ở nhà phụ bố mẹ cho đến ngày gây án.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Võ Văn M; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

+ Ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị H2; địa chỉ Thôn L, xã M, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, cả hai vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích khai thác cát lòng sông trái phép để bán kiếm tiền tiêu xài. Vào tối ngày 12/7/2020, Võ Văn M (sinh ngày 17/3/1987, trú tại Thôn L, xã M, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) gọi điện thoại thuê Nguyễn Văn T và Phạm Văn H đi khai thác cùng, mỗi chuyến đò khai thác được, Võ Văn M trả công cho T và H mỗi người 100.000 đồng. Nguyễn Văn T và Phạm Văn H đồng ý. Khoảng 01 giờ sáng ngày 13/7/2020, M điều khiển đò máy của mình đến đón, chở T và H đi trên sông H2 đến khu vực “Đá Dựng” thuộc địa bàn phường H3, thị xã T để thực hiện hành vi khai thác cát lòng sông. Tại đây, M điều khiển giữ ổn định đò, T và H cầm giữ ống hút cố định xuống đáy sông để hút cát lên khoang chứa của đò. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 13/7/2020, trong lúc đang thực hiện hành vi khai thác cát thì bị Tổ công tác của lực lượng Công an thị xã T tuần tra phát hiện, lúc này các đối tượng dừng việc khai thác và nhanh chóng điều khiển đò máy chở cùng số cát đã hút được bỏ chạy đến khu vực Khe Bồi cách vị trí khai thác cát khoảng 1km để lẩn trốn thì bị Tổ công tác truy đuổi bắt giữ.

Tang vật thu giữ: 01 đò máy vỏ bằng kim loại, có kích thước dài 12m, rộng 1,8m trên đó có gắn hệ thống hút cát gồm máy và ống hút; 02 m³ cát lòng sông.

Ngày 15/10/2020, cơ quan Cảnh sát Điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 206/QĐ-CSKT đối với số cát thu giữ.

Tại công văn số 2369/STNMT-TN ngày 23/10/2020 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế V/v kết quả giám định tài nguyên khoáng sản

cát xây dựng như sau: Loại cát (mẫu cát theo báo cáo số 20/GĐ-GDH của Chi cục Giám định xây dựng) mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại đồ máy có gắn hệ thống hút cát của Võ Văn M, Nguyễn Văn T và Phạm Văn H là loại cát trát (cát tô) có các tính chất cơ lý phù hợp với yêu cầu kỹ thuật về cốt liệu nhỏ dùng trong xây dựng theo TCVN 7520:2006 và đây là tài nguyên khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

Đồng thời, vị trí mà 03 đối tượng Võ Văn M, Nguyễn Văn T và Phạm Văn H khai thác cát trên sông H2 thuộc địa phận phường H3, thị xã T là khu vực không nằm trong Quy hoạch khai thác cát, sỏi trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 770/QĐ UBND ngày 07/5/2012 và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản trong đó có cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cho tổ chức, cá nhân nào.

Tại bản Kết luận về định giá tài sản số: 3205/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

1. Đặc điểm cát cần định giá: 2m^3 cát tô khai thác trái phép trên sông H2 thuộc địa phận phường H3, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế tại thời điểm tháng 7/2020.

2. Về xác định giá: Qua khảo sát vị trí khai thác cát tại địa bàn phường H3, thị xã T. Căn cứ công bố giá vật liệu xây dựng tại thời điểm tháng 7 năm 2020 của Liên Sở Xây dựng - Tài Chính đơn giá cát tô tại địa bàn thị xã T có giá trị là: 320.000 đồng/m^3 .

Căn cứ vào mức giá nêu trên, Hội đồng xác định giá 01 m^3 cát tô tại phường H3, thị xã T, sau khi trừ chi phí bốc dỡ lên phương tiện bên mua: 10.000 đồng/m^3 và thuế VAT (10%): 32.000 đồng/m^3 cụ thể như sau: $320.000 \text{ đồng/m}^3 - 10.000 \text{ đồng/m}^3 - 32.000 \text{ đồng/m}^3 = 278.000 \text{ đồng/m}^3$.

Giá trị 02 m^3 cát tô là: $278.000 \text{ đồng/m}^3 \times 2 \text{ m}^3 = 556.000 \text{ đồng}$.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quyết định truy tố, và đề nghị:

Áp dụng d khoản 1 Điều 227, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Văn H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 02 m^3 cát lòng sông.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 đồ máy vò bằng kim loại, có kích thước dài 12m, rộng 1,8m trên đồ có gắn hệ thống hút cát gồm máy và ống hút.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét để các bị cáo có điều kiện chăm lo gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn H: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố và lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào tối ngày 12/7/2020, Võ Văn M cùng Nguyễn Văn T và Phạm Văn H có hành vi sử dụng đồ máy khai thác cát trái phép tại sông H2 thuộc địa bàn phường H3, thị xã T với số lượng cát khai thác được là 02 m³ cát lòng sông có giá trị là 556.000 đồng (Năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Trước đó, vào ngày 31/3/2020 Nguyễn Văn T bị Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính; ngày 07/01/2020 Phạm Văn H bị Công an thị xã T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác cát trái phép.

Với hành vi của bị cáo T và H nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn H về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, cần phải xử lý để lập lại trật tự trong việc quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản.

Bị cáo T và bị cáo H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc khai thác cát trái phép là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Các bị cáo đã dùng máy bơm hút cát dưới lòng sông ở khu vực không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép và bản thân các bị cáo cũng không được cấp giấy phép khai thác tài nguyên dưới lòng sông, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong lòng nội thủy gây mất trật tự địa phương, hành vi của các bị cáo là một trong những nguyên nhân làm thay đổi dòng chảy dẫn đến sạt lở bờ sông. Với khối lượng tài nguyên (cát vàng, vật liệu xây dựng thông thường) các bị cáo khai thác khi bị bắt quả tang là 02m³, khối lượng tài nguyên bị khai thác không lớn. Tuy nhiên các bị cáo đã bị xử lý hành

chính về hành vi vi phạm việc khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép (Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản số 1378/QĐ-XPHC số tiền 2.000.000 đồng của Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đối với Nguyễn Văn T và Quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản số 1797/QĐ-XPHC số tiền 2.000.000 đồng của Công an thị xã T đối với Phạm Văn H). Vì vậy, hành vi của bị cáo T và bị cáo H đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của các bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng: Bị cáo T và bị cáo H phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm để giáo dục và răn đe người khác. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, các bị cáo thực hiện hành vi khai thác cát thuê để kiếm sống nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 227 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 m³ cát lòng sông là vật do phạm tội mà có, nên tịch thu, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa anh Võ Văn M có ý kiến hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử xét cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 đò máy vỏ bằng kim loại, có kích thước dài 12m, rộng 1,8m trên đó có gắn hệ thống hút cát gồm máy và ống hút. Vì đây là phương tiện để các bị cáo phạm tội.

[9] Đối với Võ Văn M có hành vi khai thác khoáng sản cát xây trái phép và có hành vi thuê T và H đi khai thác khoáng sản cát xây trái phép vào ngày 12/7/2020. Tuy nhiên, M chưa bị xử phạt hành chính về hành vi này, số lượng khoáng sản chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính.

Ngày 25/8/2020, Võ Văn M bị Công an thị xã T xử phạt hành chính số 1900/QĐ-XPHC với số tiền 15.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản (cát) trái phép (đã thi hành) là đúng quy định pháp luật.

[10] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn H phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Văn H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho bị cáo T được hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho bị cáo H được hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 02 m³ cát lòng sông.
- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 đồ máy vỏ bằng kim loại, có kích thước dài 12m, rộng 1,8m trên đồ có gắn hệ thống hút cát gồm máy và ống hút.

(Các vật chứng nêu trên đang do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 04/QĐ-VKS-P1 ngày 21/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án sơ thẩm xét xử công khai, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT- Huế;
- CQĐT Công an tỉnh TT- Huế;
- Cục THADS tỉnh TT- Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT- Huế;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hưng Bính

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV06 CA tỉnh TT- Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT- Huế;
- Cục THADS tỉnh TT- Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa HS.

Trần Hưng Bính